

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - BẮC NINH**

Bản án số 110/2026/HNGĐ-ST

Ngày 26-8-2026

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Xuân Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Minh

Bà Nguyễn Thị Thắm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải – Thư ký Tòa án

*- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Bắc Ninh tham gia phiên
tòa:* Bà Trần Thị Bình - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 26 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Bắc Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 534/2026/TLST-HNGĐ ngày 09/7/2026 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/8/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991. Xin vắng mặt

Địa chỉ: Thôn K, xã M, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình Đ, sinh năm 1981. Xin vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường T, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án chị Nguyễn Thị T trình bày:

Ngày 22/4/2009, chị và anh Nguyễn Đình Đ tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T (nay là phường T), tỉnh Bắc Ninh. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu và không bị ép buộc.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chị đi lao động tại Trung Quốc khoảng 10 năm đến năm 2025 thì về nước và sinh sống tại tổ dân phố A, phường T, tỉnh Bắc Ninh. Quá trình chung sống vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn do toàn bộ nguồn thu nhập đều đưa cho bố mẹ chồng nhưng hiện tại 02 cháu ruột (con anh trai của anh Đ) cũng đang ở cùng ông, bà từ nhỏ nên chị muốn vợ chồng ra ở riêng không sống chung với bố mẹ chồng nhưng anh Đ không nghe và còn nghe mẹ chồng nên khi chị nói về chuyện ở riêng anh Đ hay chửi và đánh chị.

Nhiều lần chị bỏ nhà ra thuê trọ ở riêng và anh Đ khuyên bảo chị về. Khoảng tháng 5/2026 vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn anh Đ đã đánh chị và đuổi chị ra khỏi nhà. Sau đó chị về nhà mẹ đẻ ở thôn K, xã M, tỉnh Phú Thọ ở từ đó đến nay. Từ khi chị về nhà mẹ đẻ, anh Đ có điện thoại cho chị bảo chị về và vợ chồng ra ở riêng nhưng chị không về. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chi đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đình Đ.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là cháu Nguyễn Đình P, sinh ngày 18/8/2009 và cháu Nguyễn Thị T1, sinh ngày 14/9/2015. Hiện tại các cháu đang ở cùng anh Đ. Ly hôn chị đề anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu. Vấn đề cấp dưỡng vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại chị đang làm công ty thời vụ với mức lương khoảng từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Đình Đ trình bày:

Trước khi kết hôn, anh và chị Nguyễn Thị T tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Ngày 22/4/2009, chị và anh Nguyễn Đình Đ tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T (nay là phường T), tỉnh Bắc Ninh và được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ theo phong tục truyền thống của địa phương.

Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng anh diễn ra vui vẻ, hạnh phúc có phát sinh mâu thuẫn những chỉ là mâu thuẫn nhỏ. Khoảng tháng 10/2025, anh phát hiện chị T có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, thường xuyên liên lạc nhắn tin thân mật. Từ đó, lối sống, tính cách của chị T có nhiều thay đổi. Thời điểm đó, lịch làm việc của vợ chồng anh khác nhau nên chị T đề nghị ra ở riêng không sống cùng bố, mẹ chồng nữa nhưng anh không đồng ý. Anh biết chị T lén lút ngoại tình nhưng vẫn cho cơ hội làm lành vì thương các con còn nhỏ. Nhưng chị T vẫn không thay đổi đến khoảng tháng 5/2026, anh lại tiếp tục thấy được cuộc nói chuyện giữa chị T với người đàn ông. Trong lúc bức xúc anh có chửi, mắng và đuổi chị T ra khỏi nhà, sau đó chị T đã bỏ đi ở nơi khác không quay trở lại hay liên lạc gì với anh nữa. Nay chị T gửi đơn yêu cầu ly hôn anh không đồng ý và anh đề nghị Tòa án xem xét, hòa giải cho vợ chồng anh được đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là cháu Nguyễn Đình P, sinh ngày 18/8/2009 và cháu Nguyễn Thị T1, sinh ngày 14/9/2015. Hiện tại các cháu đang ở cùng anh. Nếu ly hôn anh đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu. Vấn đề cấp dưỡng vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại, anh đang làm việc cho công ty C với mức thu nhập khoảng 20.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Chị đề nghị được ly hôn với anh Nguyễn Đình Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Đình P, sinh ngày 18/8/2009 và cháu Nguyễn Thị T1, sinh ngày 14/9/2015. Ly hôn chị để anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu. Vấn đề cấp dưỡng vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Đình Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, trong quá trình giải quyết vụ án anh Đ có ý kiến xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Bắc Ninh đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 267, 269, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Đình Đ.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đình P, sinh ngày 18/8/2009 và cháu Nguyễn Thị T1, sinh ngày 14/9/2015 cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” do nguyên đơn chị Nguyễn Thị T khởi kiện đối với bị đơn anh Nguyễn Đình Đ, địa chỉ tổ dân phố A, phường T, tỉnh Bắc Ninh. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Bắc Ninh.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Đình Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Nguyễn Đình Đ ngày 22/4/2009 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện T (nay là phường T), tỉnh Bắc Ninh theo đúng quy định của pháp luật là hôn nhân hợp pháp cần chấp nhận. Trước khi kết hôn hai bên được tự do tìm hiểu không bị ép buộc.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Chị T cho rằng do quá trình chung sống hôn nhân toàn bộ nguồn thu nhập đều đưa cho bố mẹ chồng giữ và chị muốn vợ chồng ra ở riêng không sống chung với bố mẹ chồng nhưng anh Đ không nghe nên khi chị nói chuyện anh Đ hay chửi và đánh chị. Nhiều lần chị bỏ ra thuê trọ ở riêng và anh Đ nói chuyện khuyên bảo chị về. Khoảng tháng 5/2026 anh Đ đã đánh chị và đuổi chị ra khỏi nhà. Sau đó chị về nhà mẹ đẻ ở thôn K, xã M, tỉnh Phú Thọ ở. Từ khi chị về nhà mẹ đẻ, anh Đ có điện thoại cho chị bảo chị về và vợ chồng ra ở riêng nhưng chị không về. Anh Đ cho rằng: Khoảng tháng 10/2025, anh phát hiện chị T có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, thường xuyên liên lạc nhắn tin thân mật dẫn đến lối sống, tính cách của chị T có nhiều thay đổi. Chị T có đề nghị vợ chồng ra ở riêng không sống cùng bố, mẹ chồng nhưng anh không đồng ý. Khoảng tháng 5/2026, anh lại phát hiện chị T nhắn tin với người đàn ông khác và trong lúc bức xúc anh có chửi mắng và đuổi chị T ra khỏi nhà. Sau đó chị T bỏ đi và không còn hay liên lạc gì với anh nữa.

Qua xác minh ông Nguyễn Đình Đ là bố đẻ anh Đ cho biết: Mâu thuẫn vợ chồng anh Đ phát sinh khoảng tháng 10/2025, anh Đ phát hiện chị T có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, thiếu chung thủy. Nhiều lần anh Đ cho chị T cơ hội sửa đổi để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị T vẫn không thay đổi. Khoảng tháng 5/2026, vợ chồng anh Đ lại phát sinh mâu thuẫn và anh Đ có mắng, chửi và đuổi chị T ra khỏi nhà. Từ khi chị T bỏ đi không liên lạc gì với gia đình ông nữa. Xét thấy, vợ chồng chị T, anh Đ không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh Đ không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh Đ không tham gia các buổi hòa giải. Nay chị T xin ly hôn với anh Đ nên xem xét, giải quyết cho hai người được ly hôn để đảm bảo cuộc sống riêng của mỗi người là phù hợp với quy định của pháp luật.

2.2. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Đình P, sinh ngày 18/8/2009 và cháu Nguyễn Thị T1, sinh ngày 14/9/2015. Cả hai cháu đều đang ở với anh Đ, quá trình giải quyết chị T đồng ý để anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu. Anh Đ cũng đề nghị được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu. Xét thấy, chị T và anh Đ đều có nơi cư trú, thu nhập ổn định đều có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Anh Đ nguyện vọng được chăm

sóc, nuôi dưỡng cháu P và cháu Đ và chị T đồng ý. Mặt khác, nguyện vọng của hai cháu cũng đề nghị được ở với anh Đ nên giao cháu Nguyễn Đình P, sinh ngày: 18/8/2009 và cháu Nguyễn Thị T1, sinh ngày 14/9/2015 cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2.3. Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 238, 266, 267, 269, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí tòa án, xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đình Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đình P, sinh ngày 18/8/2009 và cháu Nguyễn Thị T1, sinh ngày 14/9/2015 cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000357 ngày 09/7/2026 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 9 – Bắc Ninh.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt bản án hợp lệ hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 36, 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 9 – Bắc Ninh;
- Phòng THADS khu vực 9 – Bắc Ninh;
- UBND phường Thuận Thành
(số 26, quyền số 01 ngày 22/4/2009);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Xuân Phong

